

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn triển khai một số hoạt động bảo vệ môi trường
trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2010 - 2020**

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNN&PTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai một số hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn triển khai một số hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, gồm các nội dung sau:

- a) Xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, xử lý nước thải;
- b) Xây dựng các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn;
- c) Chính trang, cải tạo nghĩa trang;
- d) Cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái, phát triển cây xanh.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức dịch vụ môi trường cấp xã là tổ chức làm nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và các dịch vụ về môi trường được thành lập theo các quy định hiện hành và hoạt động theo quy chế do Ủy ban nhân dân xã quy định.

2. Chất thải hữu cơ: Là chất thải có nguồn gốc từ thực phẩm, phân gia súc, rau, củ, quả... Chất thải vô cơ là các loại chất thải còn lại.

3. Khu sản xuất tập trung là khu chuyên sản xuất hàng hóa và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất, có ranh giới địa lý xác định.

4. Ao, hồ sinh thái là ao, hồ đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, đóng vai trò quan trọng trong hệ sinh thái tự nhiên và sinh thái cảnh quan, mang đến các lợi ích cho cuộc sống con người, cũng như cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất, tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, cải tạo tiểu khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường.

5. Nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là nước thải từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và các trang trại chăn nuôi.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, thi công hệ thống tiêu thoát nước, xử lý nước thải các điểm thu gom, xử lý chất thải rắn; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng phải được thực hiện trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

2. Nguyên tắc xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường trong Chương trình (thu gom chất thải rắn, xử lý nước thải, cải tạo và chỉnh trang nghĩa trang...): Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư địa phương, nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn, ban hành các chính sách và hỗ trợ một phần nguồn vốn. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

3. Thực hiện chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong Chương trình, vận động và tổ chức người dân, tạo cơ sở pháp lý để huy động sự

tham gia đóng góp tích cực và nhiều mặt của mọi thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư trong đầu tư vốn, thi công xây lắp, sản xuất thiết bị phụ tùng, các dịch vụ sửa chữa và quản lý vận hành. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trong Chương trình. Ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân, các địa phương huy động các nguồn trợ cấp và tín dụng ưu đãi của Chính phủ thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình quốc gia đã được Chính phủ ban hành, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và cơ chế chính sách đã quy định.

Chương II

XÂY DỰNG, CẢI TẠO NÂNG CẤP HỆ THỐNG TIÊU THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 4. Yêu cầu về hệ thống tiêu thoát nước

1. Các điểm dân cư tập trung của thôn, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt (sau đây gọi là hệ thống thoát nước). Hệ thống thoát nước phải đảm bảo quy định tại QCVN 14:2009/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn, cụ thể:

- a) Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước cấp để xử lý;
- b) Đối với các khu vực trung du, miền núi, khu vực dân cư không tập trung cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt đạt 60% lượng nước cấp để xử lý;
- c) Đối với các vùng dân cư sống phân tán, không có hệ thống thoát nước, các hộ gia đình tự chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải.

2. Hệ thống thoát nước được xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp đảm bảo tính đồng bộ, kết nối với mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật khác như: đường giao thông nông thôn, các công trình xử lý nước thải tập trung hay phân tán.

Điều 5. Nguyên tắc và yêu cầu xử lý nước thải

1. Nguyên tắc xử lý nước thải:

Việc xử lý nước thải phải phù hợp với điều kiện các vùng nông thôn: công nghệ đơn giản; chi phí đầu tư, chi phí vận hành và bảo dưỡng thấp; quản lý vận hành đơn giản, dễ thực hiện; ngoài ra, công nghệ cần đảm bảo khả năng xử lý đa dạng đáp ứng các đặc trưng nước thải khác nhau về lưu lượng và thành phần.

2. Yêu cầu xử lý nước thải:

- a) Nước thải sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thu gom và xử lý đảm bảo giá trị tối đa của các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giới hạn cho phép quy định trong các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thôn, xã hoặc thải ra môi trường;

b) Nước thải chăn nuôi hộ gia đình: thu gom, xử lý bằng các hình thức hầm biogas, hố ga lắng cặn, ao sinh học... trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thôn, xã hoặc thải ra môi trường;

c) Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý bằng các hình thức bể tự hoại, hố ga lắng cặn trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của thôn, xã hoặc thải ra môi trường.

Điều 6. Xây dựng, cải tạo nâng cấp, quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước hiện có: cải tạo, nâng cấp đảm bảo yêu cầu thoát nước cho toàn khu vực.

2. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải xây dựng mới: thực hiện theo thiết kế được phê duyệt.

3. Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải:

a) Trong phạm vi nội bộ của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: chủ sử dụng tự quản lý, thu gom và xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thôn, xã hoặc thải ra môi trường;

b) Quản lý chung hệ thống thoát nước và xử lý nước thải: các thôn và xã tổ chức quản lý vận hành với mô hình phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Chương III THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

Điều 7. Yêu cầu phân loại chất thải rắn

1. Đối với các công trình công cộng ở nông thôn (trường học, chợ, cơ quan, trạm y tế, công trình văn hóa - thể thao - tôn giáo và các công trình công cộng khác) bố trí địa điểm, dụng cụ lưu chứa để phân loại rác vô cơ, rác hữu cơ và chất thải rắn nguy hại tại nguồn.

2. Đối với hộ gia đình: thu gom bằng các dụng cụ phù hợp để phân loại rác ngay tại hộ gia đình theo quy định của đơn vị thu gom chất thải rắn; khuyến khích việc chôn lấp hợp vệ sinh các loại rác hữu cơ có thể phân hủy tại khuôn viên các hộ gia đình.

3. Đối với chất thải rắn từ hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp của các làng nghề, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: các cơ sở phải phân loại, xử lý sơ bộ và hợp đồng với tổ chức dịch vụ môi trường vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

Điều 8. Yêu cầu về điểm thu gom, tập kết chất thải rắn

1. Đối với điểm thu gom